TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2015/KDTM-PT
Ngày: 7/5/2015
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Thiện Kế**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hùng Nuôi**

Ông **Nguyễn Văn Ngọt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nhẫn**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Ninh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 7 tháng 5 năm 2015, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **06**/2015/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 03 năm 2015 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2015/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2015/QĐPT-KDTM ngày 27 tháng 03 năm 2015, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn K.

Địa chỉ: Quốc lộ 1, phường A, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông **Đỗ Ngọc Q** – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty:

1/ Ông **Nguyễn Định T**, sinh năm 1984. *(có mặt)*

2/ Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1976. *(có mặt)*

Cùng theo văn bản ủy quyền ngày 4/5/2015.

Cùng địa chỉ: đường Trần Quý K, phường T, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ngân hàng P Việt Nam.

Địa chỉ: Phường X, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông **Trần Bá H** – Tổng Giám đốc Ngân hàng P Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Tạ Minh N** – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2014. *(có mặt)*

Địa chỉ: Đường T, phường Z, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH K.

NHẬN THẤY:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Người đại diện nguyên đơn Công ty TNHH K trình bày:

Vào ngày 21/8/2009, Ngân hàng P Việt Nam Chi nhánh Sóc Trăng (sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty TNHH K (sau đây gọi là Công ty) có ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu theo hạn mức số 25/2009/TDXKHM-NHPT PC với nội dung Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng là 200.000.000.000đ, thời hạn hiệu lực của hạn mức đến hết ngày 31/12/2009, lãi suất 6,9%/năm. Hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là giá trị hàng hóa thành phẩm trong kho của Công ty, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2009/HĐTCTS-NHPTPC ngày 21/8/2009.

Từ ngày 27/8/2009 đến hết ngày 15/10/2009, Công ty đã vay của Ngân hàng số tiền 60.000.000.000đ và đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty được hỗ trợ lãi suất 4% đối với các khoản vay được giải ngân từ ngày 17/4/2009 đến ngày 31/12/2009. Đến ngày 6/7/2011 Ngân hàng có công văn số 468/NHPT.STR-TD về việc hỗ trợ lãi suất tín dụng xuất khẩu, theo đó Công ty thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất với tổng số tiền đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất là 447.369.000đ, nhưng do chưa nhận được nguồn vốn từ Ngân hàng P Việt Nam nên Ngân hàng chưa thực hiện việc chuyển tiền cấp hỗ trợ lãi suất cho Công ty.

Theo yêu cầu của Ngân hàng, Công ty đã cung cấp đầy đủ hồ sơ để xem xét hỗ trợ lãi suất và Ngân hàng cũng đã mở cho Công ty tài khoản về hỗ trợ lãi suất tín dụng xuất khẩu số 819-459915-00-0280 với số dư 447.369.000đ. Đến ngày 11/01/2013 Ngân hàng và Công ty có ký giấy xác nhận giảm lãi suất tín dụng xuất khẩu với số tiền được giảm là 447.369.000đ. Mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ nhưng đến nay Ngân hàng vẫn không thực hiện việc chuyển trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho Công ty.

Nay Công ty K yêu cầu Ngân hàng P Việt Nam hoàn trả một lần hết số tiền lãi vay được giảm là 447.369.000đ và tiền lãi của số tiền này với lãi suất 9%/năm tính từ ngày 11/01/2013 đến ngày 11/01/2015 là 447.369.000đ x 9%/năm x 24 tháng = 80.526.420đ, tổng cộng là 527.895.420đ.

Người đại diện bị đơn Ngân hàng P Việt Nam trình bày:

Ngân hàng P Việt Nam thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Công ty K và Công ty này thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất 4% theo quy định. Số tiền hỗ trợ lãi suất là 447.369.000đ mà Công ty yêu cầu Ngân hàng chi trả là phù hợp với số liệu đã đối chiếu giữa hai bên. Nhưng Ngân hàng cho rằng do chưa thống nhất được số liệu hỗ trợ lãi suất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên chưa có căn cứ để chi trả tiền được hưởng hỗ trợ lãi suất là 447.369.000đ cho Công ty K. Ngân hàng sẽ cấp số tiền này cho Công ty K khi đã đối chiếu xong số liệu với Ngân hàng Nhà nước. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả của số tiền 447.369.000đ từ ngày 11/01/2013 đến ngày 11/01/2015 là 80.526.420đ thì Ngân hàng chưa có căn cứ để thanh toán cho Công ty K.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2015/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2015 đã quyết định như sau: Áp dụng Điểm m Khoản 1 Điều 29, Khoản 1 Điều 33, Khoản 1 Điều 245 và Khoản 1 Điều 252 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 305 Bộ luật Dân sự và Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 4/4/2009 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 7/4/2009; Thông tư số 24/2009/TT-NHNN ngày 14/12/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K: Buộc Ngân hàng P Việt Nam có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền được hỗ trợ lãi suất tín dụng xuất khẩu là 447.369.000đ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu theo hạn mức số 25/2009/TDXKHM-NHPT PC ngày 21/8/2009.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Ngân hàng P Việt Nam trả số tiền lãi là 80.526.420đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13 tháng 02 năm 2012, nguyên đơn Công ty TNHH K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu tính lãi suất cơ bản 9%/năm theo quy định của pháp luật trên số tiền

447.369.000đ mà Ngân hàng P Việt Nam có nghĩa vụ trả cho Công ty K. Vì những lý do như sau:

- Theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì số tiền hỗ trợ lãi suất 4% phải được thanh toán ngay khi bên vay cung cấp đầy đủ chứng từ xuất khẩu theo quy định. Công ty K đã cung cấp đầy đủ chứng từ và được Ngân hàng chấp nhận giảm lại 4% với số tiền 447.369.000đ.

- Ngân hàng đã mở tài khoản cho Công ty với số dư cuối năm là 447.369.000đ, do đó khoản hỗ trợ 4% này là nghĩa vụ bắc buộc mà Ngân hàng phải trả cho Công ty. Theo quy định tại Điều 302 và Điều 305 Bộ luật Dân sự thì Ngân hàng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản là 9%/năm trên số tiền 447.369.000đ.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất cơ bản 9%/năm trên số tiền 447.369.000đ mà Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho Công ty K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Về thời gian, chủ thể và hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH K là còn trong thời hạn và đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên được chấp nhận về hình thức.

- *Về nội dung:* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Ngân hàng P Việt Nam thừa nhận Ngân hàng P Việt Nam Chi nhánh Sóc Trăng có ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu theo hạn mức số 25/2009/TDXKHM-NHPT PC ngày 21/8/2009 với Công ty TNHH K và Công ty thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất 4% theo quy định với số tiền hỗ trợ lãi suất là 447.369.000đ. Theo quy định tại Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 4/4/2009 của Thủ tướng chính phủ và được hướng dẫn tại Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 7/4/2009, Thông tư số 24/2009/TT-NHNN ngày 14/12/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì Công ty TNHH K được hưởng hỗ trợ lãi suất là 4%/năm trên số tiền vay. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc Ngân hàng P Việt Nam có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền hỗ trợ lãi suất nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất cơ bản 9%/năm trên số tiền hỗ trợ lãi suất 447.369.000đ. Nhận thấy, vụ án tranh chấp giữa Công ty TNHH K và Ngân hàng P Việt Nam là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên tại hợp đồng tín dụng xuất khẩu theo hạn mức số 25/2009/TDXKHM-NHPT PC ngày 21/8/2009

ký kết giữa các bên không có thỏa thuận cụ thể về việc tính lãi suất trên số tiền hỗ trợ lãi suất. Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 15 Hợp đồng tín dụng trên thì "*Các vấn đề không ghi trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Bên A (Ngân hàng P Việt Nam)*". Theo quy định tại Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 4/4/2009 của Thủ tướng chính phủ và được hướng dẫn tại Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 7/4/2009, Thông tư số 24/2009/TT-NHNN ngày 14/12/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì *số lãi tiền vay được hỗ trợ được trừ vào số tiền lãi vay khi Ngân hàng thu lãi tiền vay của bên vay, sau khi bên vay cung cấp bộ chứng từ xuất khẩu phù hợp.* Trong khi Công ty vay tiền của Ngân hàng từ ngày 27/8/2009 đến ngày 15/10/2009 và đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng nhưng đến ngày 03/01/2013 Ngân hàng có công văn yêu cầu Công ty cung cấp hồ sơ để xem xét hỗ trợ lãi suất 4% vay vốn tín dụng xuất khẩu năm 2009 thì Công ty mới cung cấp hồ sơ cho Ngân hàng. Đến ngày 11/01/2013 thì giữa Ngân hàng và Công ty mới ký xác nhận giảm lãi suất tín dụng xuất khẩu với số tiền là 447.369.000đ. Bên cạnh đó, theo các văn bản chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì ngày 28/12/2012 Ngân hàng P Việt Nam ban hành công văn số 4709/NHPT-TDXK hướng dẫn các Sở giao dịch, Chi nhánh Ngân hàng P Việt Nam *"việc tiếp tục cấp tiền giảm 4% lãi xuất TDXK cho khách hàng thực hiện sau khi Ngân hàng Phát triển báo cáo Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận số liệu đề nghị giảm 4% lãi suất cho khách hàng"*. Đến hiện nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như Ngân hàng P Việt Nam chưa có văn bản xác nhận về các số liệu đề nghị giảm 4% lãi suất tín dụng này. Tại phiên tòa người đại diện bị đơn Ngân hàng P Việt Nam cũng khẳng định đến hiện nay chưa có văn bản xác nhận về các số liệu đề nghị giảm 4% lãi suất tín dụng, nên Ngân hàng chưa thể chi trả ngay số tiền hỗ trợ trên cho Công ty.

Như vậy, bản chất số tiền hỗ trợ lãi suất 447.369.000đ là tiền mà Công ty được hỗ trợ, nên việc Công ty TNHH K yêu cầu buộc Ngân hàng P Việt Nam phải trả số tiền lãi là 80.526.420đ trên số tiền lãi được hỗ trợ 447.369.000đ là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn Công ty TNHH K là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty TNHH K cũng không cung cấp thêm được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của Công ty. Nên kháng cáo của Công ty TNHH K là không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, bản án cấp sơ thẩm xét xử không tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH K. Nên Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho đúng. Tức kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty TNHH K

có đơn yêu cầu thi hành án mà Ngân hàng P Việt Nam chưa thi hành án thì hàng tháng Ngân hàng P Việt Nam phải trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố đối với số tiền còn phải thi hành án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

Qua những phân tích như đã nêu trên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH K, áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án.

Do bản án sơ thẩm bị cải sửa nên người kháng cáo là Công ty TNHH K không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền số 004809 ngày 14/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 275, khoản 2 Điều 132 và khoản 6 Điều 279 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn K.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2015/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã xét xử về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn K với bị đơn Ngân hàng P Việt Nam, như sau:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K: Buộc Ngân hàng P Việt Nam có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền được hỗ trợ lãi suất tín dụng xuất khẩu là 447.369.000đ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng xuất khẩu theo hạn mức số 25/2009/TDXKHM-NHPT PC ngày 21/8/2009.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Ngân hàng P Việt Nam trả số tiền lãi là 80.526.420đ.

3/ Án phí sơ thẩm:

Ngân hàng P Việt Nam phải chịu là 21.897.760đ.

Công ty TNHH K phải chịu 4.026.321đ, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.356.600đ theo biên lai thu tiền số 003695 ngày 27/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 8.330.279đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty TNHH K có đơn yêu cầu thi hành án mà Ngân hàng P Việt Nam chưa thi hành án thì hàng tháng Ngân hàng P Việt Nam phải trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố đối với số tiền còn phải thi hành án.

2/. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH K không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền số 004809 ngày 14/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án án dân sự. Thời hiệu thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- THA thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Mai Thiện Kế